



A member of MGI International

Thành viên Hãng Kiểm toán MGI Quốc tế

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25

2051
CÔNG
HÀNH
M T
M Đ
IỆT
XUẢ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 44.03.000090 ngày 09/10/2007 và sửa đổi bổ sung lần hai số 3800378251 ngày 04/01/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Trung Trực	Chủ tịch
Ông Phan Đình Phúc	Ủy viên
Ông Lê Văn Vui	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Hùng	Ủy viên
Ông Huỳnh Tấn Siêu	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Đình Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Tú	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Huỳnh Hữu Tín	Kiểm soát viên chính
Ông Minh Quốc Sang	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Thành Công	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG

Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Phan Đình Phúc

Tổng Giám đốc

Bình Phước, Việt nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2015

Số: 812/BCKT/TC/NV9

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long được lập ngày 25/03/2015, từ trang 04 đến trang 25 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lưu Quốc Thái
Phó Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký
hành nghề kiểm toán số 0155-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

Ngày 26 tháng 03 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Mai Lan

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký

hành nghề kiểm toán số 1425-2014-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2014	01/01/2014
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
A. (100=110+120+130+140+150)	100		327.665.990.674	213.317.906.505
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	59.986.618.094	165.960.967.925
1. Tiền	111		306.620.620	2.136.851.297
2. Các khoản tương đương tiền	112		59.679.997.474	163.824.116.628
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	208.450.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		208.450.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.594.692.025	46.666.231.952
1. Phải thu khách hàng	131		2.521.764.729	546.150.492
2. Trả trước cho người bán	132		32.462.807.997	26.282.523.361
3. Các khoản phải thu khác	135	5	22.610.119.299	19.837.558.099
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.634.680.555	690.706.628
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		659.366.159	487.997.738
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	6	802.700.605	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	172.613.791	202.708.890
TÀI SẢN DÀI HẠN				
B. (200=220+240+250+260)	200		178.097.151.778	132.165.082.430
II. Tài sản cố định	220		81.640.298.787	56.194.544.638
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	62.831.171.062	50.034.852.228
- Nguyên giá	222		65.001.949.139	51.359.876.352
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.170.778.077)	(1.325.024.124)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	18.809.127.725	6.159.692.410
III. Bất động sản đầu tư	240	10	63.142.410.568	67.275.551.285
1. Nguyên giá	241		76.599.661.920	76.744.380.102
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(13.457.251.352)	(9.468.828.817)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		21.000.000.000	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	21.000.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.314.442.423	8.694.986.507
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	12.314.442.423	8.694.986.507
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		505.763.142.452	345.482.988.935

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		301.435.657.362	160.535.708.288
I. Nợ ngắn hạn	310		20.373.175.567	5.082.824.646
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	12.115.568.122	-
2. Phải trả người bán	312		117.473.125	279.027.862
3. Người mua trả tiền trước	313		23.400.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	4.050.047.622	3.755.118.588
5. Phải trả người lao động	315		1.293.517.416	185.420.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	2.773.169.282	814.643.947
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	48.614.249
II. Nợ dài hạn	330		281.062.481.795	155.452.883.642
1. Doanh thu chưa thực hiện	338	16	281.062.481.795	155.452.883.642
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		204.327.485.090	184.947.280.647
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	134.867.048.605	124.911.964.914
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.867.048.605	4.911.964.914
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		69.460.436.485	60.035.315.733
1. Nguồn kinh phí	432	18	69.460.436.485	60.035.315.733
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		505.763.142.452	345.482.988.935

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- Đồng Yên nhật (JPY)		106.103	106.103
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lê Văn Trung
 Người lập biểu
 Bình Phước, Việt Nam
 Ngày 25 tháng 03 năm 2015

Lê Văn Trung
 Kế toán trưởng



Phan Đình Phúc
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Mã số	Đơn vị tính: VND	
			2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	01	14.670.151.843	9.273.688.455
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	20	10	14.670.151.843	9.273.688.455
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	11	6.977.808.675	6.620.941.435
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	20	7.692.343.168	2.652.747.020
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	21	19.021.153.027	10.927.174.836
7. Chi phí tài chính	23	22	8.053.331	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	-	-
8. Chi phí bán hàng		24	487.318.314	774.248.299
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		25	7.992.838.224	6.243.453.308
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30	30	18.225.286.326	6.562.220.249
11. Thu nhập khác	24	31	264.487.346	8.906.803
12. Chi phí khác	25	32	160.230.978	-
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	40	104.256.368	8.906.803
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	50	18.329.542.694	6.571.127.052
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	51	4.074.459.003	1.674.821.763
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		52	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	60	14.255.083.691	4.896.305.289
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	70	1.188	408

Lê Văn Trung
Người lập biểu
Bình Phước, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2015

Lê Văn Trung
Kế toán trưởng

Phạm Đình Phúc
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	139.129.284.946	29.534.947.196
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(31.210.677.061)	(5.058.765.521)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.457.680.395)	(3.603.280.299)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.721.710.530)	(1.721.710.530)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	30.723.246.013	13.022.823.487
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(18.762.799.554)	(2.366.177.389)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	113.699.663.419	29.807.836.944
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.788.835.622)	(10.402.103.297)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(443.582.842.628)	(462.274.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24	214.132.842.628	479.274.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.499.809.814	11.167.874.419
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(223.739.025.808)	17.765.771.122
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp CSH	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	12.115.568.122	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.050.555.564)	(8.156.633.443)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.065.012.558	(8.156.633.443)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(105.974.349.831)	39.416.974.623
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	165.960.967.925	126.543.993.302
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	59.986.618.094	165.960.967.925

Lê Văn Trung
Người lập biểu
Bình Phước, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2015

Lê Văn Trung
Kế toán trưởng

Phan Đình Phúc
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 44.03.000090 ngày 09/10/2007 và sửa đổi bổ sung lần hai số 3800378251 ngày 04/01/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

Vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND (*Bằng chữ : Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn*)

Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Hạ tầng kỹ thuật dân cư. Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, bến bãi. Kinh doanh dịch vụ cảng, bến bãi);
- Xây dựng nhà các loại (Chi tiết: Thi công xây dựng thủy lợi);
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Khai thác gỗ;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đầu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) (Chi tiết đầu tư tài chính);
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (chi tiết: Hoạt động thu gom và xử lý rác thải, chất thải);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

